TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2019/DS-PT
Ngày 23-7-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiền

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 06/5/2019 của Toà án nhân dân huyện VH có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, Long An.

3.2. Ông Trương Văn L, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Trong năm 2017, bà có tham gia chơi dây hụi do bà N làm thảo hụi, cụ thể như sau: Dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 20/01/2017 (âm lịch), có tổng cộng 28 phần (có danh sách hụi), bà tham gia 01 phần, hụi này mỗi tháng mở 01 lần, ai bỏ thăm cao thì được lãnh hụi và chi tiền hoa hồng lại cho bà N là 2.500.000 đồng, bà đã góp được 21 lần, hụi này còn 07 phần nữa thì mãn, trong đó bà có 01 phần nhưng đến ngày 20/10/2018 (âm lịch) thì bà N tuyên bố ngưng hụi. Đến ngày 19/12/2018, bà N có viết giấy nhận nợ cho bà P với số tiền 105.000.000 đồng và thương lượng xin trả dần nhưng bà P không đồng ý. Hòa giải tại Công an xã KH, bà N thừa nhận còn nợ bà số tiền 105.000.000 đồng nhưng xin trả dần. Bà N, ông Đ là vợ chồng, ông Đ biết vợ làm thảo hụi nên nay phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 105.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có làm thảo hụi và bà P có tham gia chơi phần hụi như bà P trình bày. Về thành viên của từng dây hụi cụ thể thì bà đã ghi tên và đưa cho mỗi thành viên một bản. Bà cho rằng bà làm thảo hụi đã lâu, không nhớ thời gian cụ thể, nhưng đến năm 2015, chồng bà là ông Đ không cho làm thảo hụi nữa. Tuy nhiên, do nhiều người không đóng hụi nên phải duy trì để choàng hụi. Bà làm hụi thì mục đích hưởng hoa hồng, về mức hoa hồng thì thông thường tính ½ của 01 phần hụi chơi. Tiền hoa hồng thì bà sử dụng trả nợ các dây hụi của các năm trước đó chứ không phục vụ sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, bà sinh sống bằng nghề buôn bán thịt heo.

Lý do bà N tuyên bố ngưng khui hụi là do có người không đóng hụi của dây hụi này và các dây hụi khác. Dây hụi này có 28 phần thì bà 6 Ghe Cát ở huyện Tân Hưng (không biết địa chỉ cụ thể), Ly Trận và Thúy Ba ở ấp GCM, xã KH không đóng hụi mà xin bà N cho trả dần và bà N cũng đồng ý.

Nay bà P yêu cầu trả 105.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng do kinh tế khó khăn nên xin trả dần, trả theo 02 phương án. Nếu bà P yêu cầu trả đủ 105.000.000đồng thì 05 tháng đầu tiên trả mỗi tháng 3.000.000đồng và về sau mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ; Nếu bà P đồng ý nhận 80.000.000đồng thì mỗi tháng bà N trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2019 như sau:

Ông có biết vợ tổ chức chơi hụi. Lúc đầu, ông đã ngăn cản không cho vợ làm thảo hụi. Gia đình hai bên nội ngoại đã góp ý nhưng vợ ông không nghe. Vợ làm thảo hụi cũng không có mang tiền về để chi tiêu sinh hoạt cho gia đình. Nay bà P yêu cầu vợ chồng ông liên đới trả nợ 105.000.000đồng thì ông không đồng ý vì ông cho rằng vợ làm hụi thì vợ tự chịu trách nhiệm.

Các bên không thống nhất.

Ngày 20/12 /2018, bà Nguyễn Thị P nộp đơn khởi kiện.

Ngày 21/12/2018, Tòa án nhân dân huyện VH thụ lý vụ án.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-PT ngày 06/5/2019 của Toà án nhân dân huyện VH đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 2.625.000đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện VH ngày 21/12/2018 theo biên lai số 0004276.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm buộc ông liên đới trả tiền hụi cho bà P 105.000.000đ. Ông không đồng ý việc bà N chơi hụi và đã ngăn cản có mẹ vợ và hai người em vợ làm chứng.

Ngày 16/5/2019, bà Nguyễn Thị N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm xin trả dần tiền nợ hụi và xin trả một mình, ông Đ không có liên quan.

Tại Toà phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị P không rút đơn khởi kiện; bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Ông Nguyễn Văn Đ xin rút yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà N là chủ hụi, bà là hụi viên. Bà tham gia chơi hụi, dây hụi 28 phần chơi chung với ông Phụng và bà Nhanh. Bà góp hụi được 21 lần thì ngưng. Sau khi chốt hụi, bà N làm biên nhận nợ tiền hụi 105.000.000đ và xin trả dần. Nay bà N không thừa nhận số tiền nợ hụi này, bà yêu cầu xem xét việc bà N chiếm dụng vốn góp quá lâu buộc trả 95.000.000đ.Yêu cầu ông Đ là chồng bà N phải có trách nhiệm liên đới.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày kháng cáo xin trả dần số tiền nợ hụi và trả vốn 80.000.000đ như trả cho những hụi viên khác. Ông Đ không liên quan đến việc bà chơi hụi, bà tự chơi nên không buộc trách nhiệm ông Đ. Việc viết giấy nợ hụi là do bà ghi nhưng với điều kiện là cho trả dần. Nay bà P không cho trả dần đề nghị xem lại khoản tiền vốn góp hụi của bà P. Thực tế các lần khui hụi tay em không góp đủ 5.000.000đ. Bà P trình bày vốn góp 95.000.000đ là không đúng nhưng bà đồng ý số tiền này, xin cho trả dần.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bà N kháng cáo yêu cầu bà P cho trả vốn và trả dần. Về vốn góp, bà P và bà N trình bày không thống nhất. Bà P căn cứ giấy nhận nợ yêu cầu số tiền 105.000.000đ, bà N chỉ đồng ý 80.000.000đ nhưng không bên nào đưa ra được chứng cứ vững chắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P yêu cầu trả tiền nợ hụi là 95.000.000đ, bà N cũng đồng ý trả số tiền này nên ghi nhận.

Về yêu cầu xin trả dần, phía bà P không đồng ý. Việc chơi hụi bà N là chủ hụi. Bà P đã góp tiền hụi, nay hụi bể bà N phải hoàn trả tiền hụi đã góp là có căn cứ. Pháp luật không quy định việc cho trả dần khi đương sự không thỏa thuận được. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin trả dần, chấp nhận một phần kháng cáo xin trả vốn góp hụi. Sửa bản án dân sự sơ thẩm phần xin trả vốn góp hụi. Về trách nhiệm liên đới: Ông Đ rút yêu cầu kháng cáo đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Trương Văn L không kháng cáo đã có ủy quyền hợp lệ, áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn xét xử.

Phạm vi xét xử phúc thẩm: Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xem xét lại phạm vi có kháng cáo của bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.

[2.1] Đối với kháng cáo xin trả vốn và xin trả dần của bà Nguyễn Thị N.

[2.1.1] Bà P trình bày bà tham gia dây hụi 5.000.000đ/tháng, có 28 phần, bà tham gia 1 phần, hụi khui ngày 20/01/2017 (âm lịch). Hụi có hoa hồng. Bà góp hụi được 21 lần, hụi chưa mãn nên yêu cầu trả lại số tiền 21 x 5.000.000đ = 105.000.000đ như "biên nhận nợ tiền" ngày 19/12/2018. Bà N thừa nhận biên nhận nợ do bà viết nhưng mục đích xin trả dần. Án sơ thẩm nhận định bà P và bà N thống nhất ngày mở hụi và số tiền góp hụi cũng như số tiền nợ hụi để buộc bà N trả cho bà Nhanh số tiền 105.000.000đ là không phù hợp quy định của pháp luật. Vì bà P thừa nhận bà chơi hụi chung với bà Nhanh và ông Phụng, hụi chưa mãn còn 7 kỳ khui hụi nữa thì ngưng. Bà N cũng cho biết do tay em không đóng nên bà không tiếp tục mở hụi. Như vậy phải xác định hụi "bị bể" vì vậy số tiền phải trả lại cho bà P là số tiền thực đóng theo hướng dẫn tại Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ do bản chất hụi có hoa hồng là hụi có lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Qua tranh tụng tại phiên tòa, bà N đều thừa nhận và đồng ý trả nợ hụi còn thiếu bà P là 95.000.000đ, bà P cũng đồng ý nên ghi nhận.

[2.1.2] Về yêu cầu xin trả dần.

Bà N trình bày hiện còn nhiều người nợ tiền hụi bà nên xin chờ những người này thanh toán bà sẽ trả cho bà P nhưng không được bà P đồng ý. Pháp

luật dân sự không quy định việc cho trả dần nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà N.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ về nghĩa vụ liên đới.

Tại phiên tòa, ông Đ rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đ.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N như phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bà N và ông Đ phải chịu án phí trên số tiền phải hoàn trả cho bà Nhanh; bà Nhanh phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Theo đó bà N và ông Đào chịu 95.000.000đ x 5% = 4.750.000đ; bà P chịu 10.000.000đ x5% = 500.000đ.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo được chấp nhận, bà N không phải chịu, hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 4 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

[6] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293, Điều 296 và khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; Chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện VH.

Căn cứ các Điều 471, Điều 288 và Điều 357, Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/4/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

1.1. Ghi nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi còn nợ 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đựoc thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 0004414 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà N 300.000đ đã tạm ứng theo biên lai thu số 0004430 ngày 16/5/2019.

3.3. Bà Nguyễn Thị P phải chịu 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004276 ngày 21/12/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện VH. Hoàn trả cho bà P 2.125.000đ.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện VH;
- TAND huyện VH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Phước Thiền – Huỳnh Thị Hồng Vân **Trần Văn Quán**